TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ	*Thái Thụy, ngày 17 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Căn cứ vào Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

-Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1). Chị Lê Thị D1, sinh ngày 11-10-1989; Địa chỉ: Xóm xxx, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;

2). Anh Lê Thanh H1, sinh ngày 26-9-1987; Địa chỉ: Xóm xxx, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D1 và anh H1 tự nguyện kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2015 ngày 23-01- 2015; là hôn nhân hợp pháp. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp; đến tháng 11- 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Khi mâu thuẫn, chị D1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn P 1, xã T3 làm ăn sinh sống. Từ đó, vợ chồng không còn sống chung, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện nay, chị D1 không mang thai. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D1 và anh H1 thuận tình ly hôn, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D1 và anh H1.

[2]. Về con chung: Vợ chồng chị D1- anh H1 có một con chung là Lê Quỳnh Bảo N1, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016. Anh chị thỏa thuận: Chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng

con chung; anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến khi con chung thành niên. Cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thỏa thuận nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Chị D1- anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Chị D1- anh H1 đã thỏa thuận: Chị D1 nộp toàn bộ lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D1 và anh Lê Thanh H1.

-Về con chung:

+Vợ chồng chị D1- anh H1 có một con chung là Lê Quỳnh Bảo N1, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2016.

+Chị D1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung ; anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 02 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

+Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Chị D1- anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án : Chị D1 nộp toàn bộ 300.000,đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm ; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0001673 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy , tỉnh Thái Bình. Chị D1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND huyện Thái Thụy;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tòng